**Hướng dẫn làm bài thi nói phần 3: Phát triển chủ đề (Vstep speaking part 3 - Topic development)**

*Vstep speaking phần 3 kéo dài trong 5 phút bao gồm 2 phần. Phần 1: giám khảo phát cho thí sinh một chủ đề với 3 gợi ý cho sẵn và thí sinh được chuẩn bị 01 phút trước khi trình bày chủ đề khoảng 2-3 phút. Sau đó, giám khảo hỏi thêm thí sinh một vài câu hỏi liên quan đến chủ đề (phần này thí sinh không nhìn thấy câu hỏi)*

Ví dụ:

Reading habit should be encouraged among teenagers.

            - reduces stress

            - increases knowledge

            - improves memory

            - your own idea

**Một số câu hỏi thêm của khám khảo**

            - What is the difference between the kinds of books read by your parents’ generation and those read by your generation?

            - Do you think that governments should support free books for all people?

            - In what way can parents help children develop their interest in reading?

Nếu như chủ đề nêu lợi ích thì câu hỏi mở rộng thường hỏi về bất lợi và ngược lại; nếu chủ đề nêu vấn đề thì câu hỏi thêm sẽ thường về hệ quả và giải pháp.

Cách phát triển chủ đề khi thi Nói Vstep speaking part 3

Cũng giống như phần số 2, thí sinh nên triển khai bài nói thành một bài hoàn chỉnh có mở bài, thân bài, kết bài.

* Phần 1 – Mở bài: giới thiệu chủ đề bằng cách paraphrase (sử dụng từ ngữ khác) để diễn đạt câu chủ đề. Có thể chèn thêm câu I totally agree with the statement that + topic (tôi hoàn toàn đồng ý với nhận định)
* Phần 2 – Thân bài: Từ 3 ý đã cho dưới dạng từ, cụm từ, phát triển thành một câu hoàn chỉnh. Với mỗi ý, đưa thêm thông tin hoặc nêu ví dụ.
* Phần 3 – Kết bài: Tóm tắt lại ý mình chọn

Giữa các phần cần có thể sử dụng các từ nối ý phù hợp, không phải đơn thuần liệt kê ý

Phần số 2, giám khảo hỏi thêm câu hỏi liên quan đến chủ đề. Có thể áp dụng các cách trả lời giống phần 1 (phát triển ý khi nói,  sử dụng từ nối phù hợp). Phần 3 câu hỏi khó đòi hỏi không chỉ kiến thức ngôn ngữ mà còn cả kiến thức nền mới có thể trả lời tốt câu hỏi.

**Cách triển khai ý khi nói Vstep speaking part 3**

***Nếu ý đã cho có cấu trúc V + N***

***Eg:***Reading habit should be encouraged among teenagers.

            - reduces stress

            - increases knowledge

            - improves memory

 - **Add subject**: people/ we can/ are able to V

            When reading, we can reduce stress.

 - **Add the topic as the subject**: [Topic] allows/ helps/ enables people/ us to V

            Reading allows us to improve memory.

***Nếu ý đã cho có cấu trúc*** ***Adj + N***

***Eg:***

Living in the countryside has many advantages.

            - fresh air

            - friendly neighbors

            - cheap cost

- Add subject (people/ we) + V (have/ enjoy)

            People can enjoy the fresh air.

 - N is/ are Adj

            Neighbors are very friendly.

**Speaking part 3 - Online learning**  
Online learning is beneficial to students.

Online learning

- flexible

- affordable

- convenient

- [Your own ideas]

**Một số cấu trúc, từ vựng hữu ích**

- online learning = studying online = learning/ studying on the Internet

- learners = students

- To get/ have access to: truy cập

- To engage students = to make students involved in lessons: thu hút sinh viên vào bài học

- to be affordable (có thể chi trả được) = at low/cheap cost (chi phí rẻ) = at no charge (không mất phí) = free of charge (miễn phí)

**Bài nói mẫu**  
Nowadays learning on the Internet has become increasingly popular because of its great benefits, especially to students. **In the first place**, online learning is very convenient. You know, students can study whenever and wherever they want. Only with a mobile phone or a computer connected to the Internet, can students get access to a rich source of information on almost any subject. **Secondly**, it is very affordable to study online. Well, students can do research using online resources at very low cost or even at no charge. Many websites provide free access to an abundant source of information while others offer online courses at a very cheap cost which might be just a part of traditional courses. **Moreover,** because students can study at their own place, they can save time and money to travel to traditional classes.  **Last but not least,** online courses are more interesting thanks to the application of technology. It’s true that technology is a powerful tool to engage students. It can make students more involved in the lessons due to the combination of sounds, images, games and so on. **In conclusion**, studying on the Internet brings considerable benefits to learners.

*Ngày nay, việc học trên Internet ngày càng trở nên phổ biến vì những lợi ích to lớn của nó, đặc biệt là đối với sinh viên. Đầu tiên, học trực tuyến rất thuận tiện. Bạn biết đấy, sinh viên có thể học bất cứ khi nào và ở bất cứ nơi nào họ muốn. Chỉ với điện thoại di động hoặc máy tính được kết nối với Internet, sinh viên có thể truy cập nguồn thông tin phong phú về hầu hết mọi chủ đề. Thứ hai, chi phí của việc học trực tuyển rất phải chăng. Sinh viên có thể làm nghiên cứu bằng cách sử dụng nguồn tài nguyên trực tuyến với chi phí rất thấp hoặc thậm chí miễn phí. Nhiều trang web cho phép truy cập miễn phí vào một nguồn thông tin phong phú trong khi những trang khác cung cấp các khóa học trực tuyến với chi phí rất rẻ, chỉ bằng một phần của các khóa học truyền thống. Hơn nữa, bởi vì sinh viên có thể học tập tại nơi họ muốn, họ có thể tiết kiệm thời gian và tiền bạc phải bỏ ra khi đến các lớp học truyền thống. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, các khóa học trực tuyến thường thú vị hơn nhờ ứng dụng công nghệ. Đúng là công nghệ là một công cụ mạnh mẽ để thu hút sinh viên. Nó khiến sinh viên tham gia nhiều hơn trong các bài học do sự kết hợp của âm thanh, hình ảnh, trò chơi và nhiều hơn nữa. Tóm lại, việc học trên Internet mang lại những lợi ích đáng kể cho người học.*

**Speaking part 3**

**Living in the countryside has many advantages.**

- fresh air

- friendly neighbors

- cheap cost

- [Your own ideas]

**Một số cấu trúc, từ vựng hữu ích**

**-**country life >< city life

- in the countryside = in rural/ remote areas

- advantages = benefits

- to be beneficial: có ích

- to benefit from: thu được lợi ích từ việc gì

**Bài nói mẫu**

Country life has several benefits. **In the first place**, people living in the countryside are very friendly and hospitable. Neighbours tend to be very helpful and they often get on well with one another. For example, I live in a peaceful village where all people know each other. We even organize some parties from time to time or come over each other’s house. **Secondly**, people living in rural areas can benefit from cheap cost. You know, there aren’t many things they have to spend on. People often have a large garden where they grow their own vegetables and raise chicken or pigs for food. **Moreover**, they pay lower fees for all products and services.  **Finally**, people in the countryside can enjoy the fresh air. As you know, the countryside has a low concentration of factories and traffic, which is the main cause of air pollution. **Also**, the more trees and rice field contribute to the fresh air. In conclusion, it is very beneficial to live in the countryside.

*Cuộc sống ở nông thôn đem lại nhiều lợi ích. Đầu tiên, những người sống ở nông thôn rất thân thiện và hiếu khách. Hàng xóm hay giúp đỡ nhau và họ thường sống hòa hợp với nhau. Ví dụ, tôi sống trong một ngôi làng yên bình, nơi mọi người đều biết nhau rất rõ. Chúng tôi thậm chí thỉnh thoảng tổ chức một vài bữa tiệc hoặc qua chơi nhà của nhau. Thứ hai, người dân sống ở khu vực nông thôn có thể hưởng lợi từ chi phí rẻ. Bạn biết đấy, họ không phải chi tiêu nhiều thứ. Mọi người thường có một khu vườn lớn, nơi họ tự trồng rau và nuôi gà hoặc lợn để làm thức ăn. Hơn nữa, họ trả phí thấp hơn cho tất cả các sản phẩm và dịch vụ. Cuối cùng, mọi người ở nông thôn có thể tận hưởng không khí trong lành. Như bạn đã biết, vùng nông thôn có mật độ nhà máy và lưu lượng giao thông thấp, và đây là nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí. Ngoài ra, lượng lớn cây xanh và cánh đồng lúa cũng góp phần tạo nên không khí trong lành. Tóm lại, sống ở nông thôn có rất nhiều lợi ích.*

**Speaking part 3**

**There are some benefits of living in the city.**

- more chances for good jobs

- better education

- higher quality of health care service

- [Your own ideas]

**Một số cấu trúc, từ vựng hữu ích**

- living in the city = city life = living in urban areas

- advantages = benefits = plus points

- to benefit from: thu được lợi ích từ việc gì

- to have a higher standard of living: có mức sống cao hơn

- to have better job/ employment opportunities: có cơ hội nghề nghiệp tốt hơn

**Bài nói mẫu**

City life offers many advantages. **In the first place**, people in urban areas can have higher standard of living. People living in cities can be provided with higher quality health care service simply because central hospitals equipped with modern technologies and employing highly qualified doctors are often in cities rather than the countryside. **Besides**, there are more entertainment facilities in big cities, for example, cinemas, theme parks, shopping centres and so on, which make city life more attractive and comfortable. **Secondly**, people living in urban areas can have more employment opportunities with much higher salaries. You know, more factories and big companies which offer well paid jobs are located in big cities. It means that people find it easier to look for work. **Last but not least**, people living in urban areas can benefit from better education. The education system from kindergartens to universities in cities are far better than that in rural areas because a great deal of money is invested in modernizing facilities and recruiting excellent teachers. Besides, you know, there are more top colleges and universities in cities. **In a nutshell,** living in the city brings people many plus points.

*Cuộc sống thành phố mang lại nhiều lợi ích. Đầu tiên, người dân ở khu vực đô thị có mức sống cao hơn. Những người sống ở các thành phố có thể được cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao hơn, đơn giản là bởi vì các bệnh viện trung ương được trang bị công nghệ hiện đại và tuyển dụng các bác sĩ có trình độ cao thường được đặt ở các thành phố chứ không phải ở nông thôn. Bên cạnh đó, có nhiều cơ sở giải trí ở các thành phố lớn, ví dụ như rạp chiếu phim, công viên, trung tâm mua sắm và nhiều hơn nữa, điều này làm cho cuộc sống thành phố trở nên hấp dẫn và thoải mái hơn. Thứ hai, những người sống ở khu vực đô thị có thể có nhiều cơ hội việc làm hơn với mức lương cao hơn nhiều. Bạn biết đấy, các nhà máy và công ty lớn cung cấp việc làm với mức lương tốt hơn thường nằm ở các thành phố lớn. Điều đó có nghĩa là sẽ dễ dàng hơn cho mọi người ở thành phố để tìm việc làm. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, những người sống ở các khu vực đô thị có thể được hưởng lợi từ nền giáo dục tốt hơn. Hệ thống giáo dục từ các trường mẫu giáo đến các trường đại học trong thành phố tốt hơn nhiều ở khu vực nông thôn bởi vì rất nhiều tiền được đầu tư vào các cơ sở hiện đại hóa và việc tuyển dụng các giáo viên xuất sắc. Bên cạnh đó, bạn biết đấy, có nhiều trường cao đẳng và đại học hàng đầu ở các thành phố. Tóm lại, sống trong thành phố mang lại cho mọi người nhiều lợi thế.*

**Speaking part 3**

**Internet is a good source to collect information.**

- easy access

- rich information

- low cost

- [Your own ideas]

**Một số cấu trúc, từ vựng hữu ích**

- to get/ have access to: truy cập

- to collect/ obtain/ gather information: thu thập thông tin

- information = data

- to be affordable (có thể chi trả được) = free = at low/ cheap cost (chi phí thấp)

**Bài nói mẫu**

Nowadays the Internet is widely used in our daily lives. It is true that it is a good source to collect information. **In the first place**, people can easily get access to the Internet these days as almost every household not only in big cities but also in the country can have Internet connection. Therefore, people find it easy to gather data on the Internet. **Secondly**, the internet is without a doubt a rich source of information. You know, it gives us instant access to information on almost any subject. For example, if I want to search for some benefits of the Internet, I can just google and thousands of results can be available. **Last but not least**, the Internet provides information at very low cost or even for free. It is only the monthly fee for Internet connection that you have to pay. In other cases, you might have access to online courses which can be much more affordable than those in traditional classes. **In a nutshell**, the Internet is a great tool to obtain information thanks to its easy access, rich information and cheap cost.

*Ngày nay, Internet được sử dụng rộng rãi trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Sự thật là đó là một nguồn tốt để thu thập thông tin. Đầu tiên, mọi người có thể dễ dàng truy cập Internet ngày nay vì hầu hết các hộ gia đình không chỉ ở các thành phố lớn mà cả trong nước cũng có thể có kết nối Internet. Do đó, mọi người có thể dễ dàng thu thập dữ liệu trên Internet. Thứ hai, internet chắc chắn là một nguồn thông tin phong phú. Bạn biết đấy, nó cho phép chúng ta truy cập thông tin ngay lập tức về hầu hết mọi chủ đề. Ví dụ, nếu tôi muốn tìm kiếm một số lợi ích của Internet, tôi có thể google và thấy hàng ngàn kết quả có sẵn. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, Internet cung cấp thông tin với chi phí rất thấp hoặc thậm chí miễn phí. Bạn chỉ phải trả phí hàng tháng cho việc kết nối Internet. Trong các trường hợp khác, bạn có thể có quyền truy cập vào các khóa học trực tuyến với mức phí phải chăng so với các khóa học truyền thống. Tóm lại, Internet là một công cụ tuyệt vời để có được thông tin nhờ vào việc truy cập dễ dàng, nguồn thông tin phong phú và chi phí rẻ*

**Speaking part 3**  
**Taking photos is beneficial to people.**

- Save memories

- Reduce stress

- Improve imagination

- [Your own ideas]

**Một số cấu trúc, từ vựng hữu ích**

- to take photos = to take pictures = to photograph: chụp ảnh

- to enable = to allow = to help sb V: cho phép, giúp ai làm gì

- to come up with new ideas: nghĩ ra ý tưởng mới

**Bài nói mẫu**

Taking pictures brings people many advantages. **In the first place**, photos help save our sweet memories. You know, while we are on holiday or on special occasions, we often take lots of photos so that they can keep our unforgettable moments in life forever so it’s true that images document our journey through life. **Secondly**, for those who are interested in photography, it can certainly beneficial in reducing stress. For example, I have a friend who loves photographing. He often spends time taking photos of landscapes and people at the weekend and says it definitely enables him to relax after hard working days.  **Finally**, photography allows people to improve imagination. In fact, pictures let us come up with new ideas and make us more creative. **In short**, photos shooting has many benefits.

*Chụp ảnh mang lại cho mọi người nhiều lợi ích. Đầu tiên, các bức ảnh giúp lưu lại những kỷ niệm ngọt ngào của chúng ta. Bạn biết đấy, trong khi chúng ta đang đi nghỉ hoặc trong những dịp đặc biệt, chúng ta thường chụp rất nhiều ảnh để có thể lưu giữ mãi mãi những khoảnh khắc khó quên trong cuộc sống. Thứ hai, đối với những người quan tâm đến nhiếp ảnh, nó chắc chắn có lợi trong việc giúp giảm căng thẳng. Ví dụ, tôi có một người bạn thích chụp ảnh. Anh ấy thường dành thời gian chụp ảnh phong cảnh và con người vào cuối tuần và nói rằng nó giúp anh thư giãn sau những ngày làm việc vất vả. Cuối cùng, nhiếp ảnh cho phép mọi người nâng cao trí tưởng tượng. Trong thực tế, hình ảnh cho phép chúng ta đưa ra những ý tưởng mới và khiến chúng ta sáng tạo hơn. Tóm lại, chụp ảnh có rất nhiều lợi ích.*

**Speaking part 3**

**There are some advantages of watching films in the cinema.**

- good sound quality

- large screen

- chance to gather friends/relatives

- [Your own ideas]

**Một số cấu trúc, từ vựng hữu ích**

- People who watch films in the cinema = cinema goers: người đi xem phim

- films = movies

- to meet up with friends: gặp gỡ bạn bè

**Bài nói mẫu**

Watching films in the cinema offers several benefits as follows. **In the first place**, cinema goers can watch movies with better sound quality and on larger screens. It’s true that cinemas are often well equipped with the most modern projectors and loudspeakers which not everyone can afford at home. Therefore, images and sounds are undeniably in higher quality, which make people feel much more interested in the films. **Another advantage of watching movies in the cinema** is that it is a great chance for people to meet up with their friends and relatives. Well, after a hard working week, we are able to enjoy a pleasant atmosphere with popcorn and some favourite drinks with our friends**. Last but not least**, it is possible to watch the latest movies which are not shown on TV or elsewhere or might be on TV much later. Besides, movies at the cinema are often well chosen and masterpieces of cinematography. **Overall**, watching movies in the cinema is beneficial and it’s worth spending time there.

*Xem phim tại rạp chiếu phim mang lại một số lợi ích như sau. Đầu tiên, người xem có thể xem phim với chất lượng âm thanh tốt hơn với một màn hình lớn hơn. Đúng là rạp chiếu phim thường được trang bị tốt với máy chiếu và loa hiện đại nhất mà không phải ai cũng có thể mua được ở nhà. Do đó, không thể phủ nhận rằng hình ảnh và âm thanh có chất lượng cao hơn, khiến mọi người cảm thấy hứng thú hơn với bộ phim. Một ưu điểm khác của việc xem phim trong rạp chiếu phim là đó là cơ hội tuyệt vời để mọi người gặp gỡ bạn bè và người thân của họ. Sau một tuần làm việc chăm chỉ, chúng ta có thể tận hưởng một bầu không khí dễ chịu với bỏng ngô và một số đồ uống yêu thích với bạn bè của mình. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, mọi người có thể xem các bộ phim mới nhất mà không được chiếu trên TV hoặc ở nơi khác hoặc sẽ được chiếu trên TV sau này. Bên cạnh đó, các bộ phim tại rạp chiếu phim thường được lựa chọn kỹ càng và thường là những kiệt tác điện ảnh. Nhìn chung, xem phim tại rạp chiếu phim có nhiều lợi ích và đáng để chúng ta dành thời gian ở đó.*

**Speaking part 3**

**A healthy breakfast is the best meal for your health.**

- healthy body

- good work/study concentration

- disease prevention.

- [Your own ideas]

**Một số cấu trúc, từ vựng hữu ích**

- a healthy/ proper/ good breakfast: Một bữa sáng khỏe mạnh

- prevention is better than care: phòng bệnh hơn chữa bệnh

- Eat breakfast like a King, lunch like a prince and dinner like a pauper: Ăn sáng như một nhà vua, ăn trưa như một hoàng tử, ăn tối như một người nghèo.

- to keep our mind alert: giúp tâm trí tỉnh táo

- to improve memory and concentration levels: tăng khả năng ghi nhớ và mức độ tập trung

- to concentrate on = to focus on: tập trung vào việc gì

**Bài nói mẫu**

A healthy breakfast is the best meal for your health because of several reasons. **In the first place**, it helps us to have a healthy body. I mean that a balanced meal for breakfast would provide us with enough energy for the morning. Moreover, when having breakfast, we are less likely to have fatty or junk snacks mid-morning.  It is commonly believed that ‘eat breakfast like a King, lunch like a prince and dinner like a pauper’. The saying stresses the importance of breakfast in maintaining people’ health. **Another benefit**of a healthy breakfast is that it allows us to concentrate on our work or study better. Many studies show that breakfast can improve memory and concentration levels. Without a doubt, a proper breakfast with high calories keeps our mind alert throughout the day. As a result, we tend to work more efficiently than when we skip breakfast. **Last but not least**, good breakfast enables us to prevent diseases. As mentioned earlier, a proper breakfast ensures a healthy body. Accordingly, it can help boost our immune system. You know, ‘prevention is better than care’, so it’s true that eating healthy breakfast everyday, we can stay away from diseases. **In a nutshell,** breakfast is the best meal for your health and the most important meal of the day.

*Một bữa ăn sáng lành mạnh là bữa ăn tốt nhất cho sức khỏe của bạn vì nhiều lý do. Đầu tiên, nó giúp chúng ta có một cơ thể khỏe mạnh. Ý tôi là một bữa ăn sáng cân bằng sẽ cung cấp đủ năng lượng cho buổi sáng. Hơn nữa, khi ăn sáng, chúng ta thường sẽ không ăn đồ ăn vặt sau đó vào giữa buổi sáng. Người ta thường tin rằng "Hãy ăn sáng như một vị vua, ăn trưa như một hoàng tử và ăn tối như một người ăn xin". Câu nói nhấn mạnh tầm quan trọng của bữa sáng trong việc duy trì sức khỏe của con người. Một lợi ích khác của bữa sáng bổ dưỡng là nó cho phép chúng ta tập trung vào công việc hoặc học tập tốt hơn. Nhiều nghiên cứu cho thấy rằng bữa ăn sáng có thể cải thiện trí nhớ và mức độ tập trung. Không nghi ngờ gì, một bữa ăn sáng hợp lý với lượng calo cao sẽ giữ cho chúng ta tỉnh táo suốt cả ngày. Kết quả là, chúng ta  có xu hướng làm việc hiệu quả hơn nếu chúng ta không bỏ qua bữa sáng. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, ăn sáng hợp lý giúp chúng ta ngăn ngừa bệnh tật. Như đã đề cập trước đó, một bữa ăn sáng thích hợp đảm bảo một cơ thể khỏe mạnh. Theo đó, nó có thể giúp tăng cường hệ miễn dịch của chúng ta. Bạn biết đấy, "phòng bệnh hơn chữa bệnh", do đó nhờ việc ăn sáng lành mạnh hàng ngày, chúng ta có thể tránh xa bệnh tật. Tóm lại, bữa sáng là bữa ăn tốt nhất cho sức khỏe của bạn và là bữa ăn quan trọng nhất trong ngày.*

**Speaking part 3**

**Vietnam is a famous destination for foreigners.**

- a lot of tourist sites

- friendly people

- delicious food

- [Your own ideas]

**Một số cấu trúc, từ vựng hữu ích**

- a tourist site = a tourist destination

- a must see destination: điểm đến hấp dẫn nên đến thăm

- to meet the need: đáp ứng nhu cầu

- foreigners = foreign visitors

**Bài nói mẫu**

Vietnam is a well-known destination for foreigners because of the following reasons. **First and foremost**, Vietnam has many tourist sites which meet the needs of different visitors. For example, those who love beach holidays can enjoy beautiful beaches in Central and Southern Vietnam such as Da Nang, Hoi An, Nha Trang, Mui Ne. Mountain lovers can explore spectacular mountainous areas in Northern Vietnam with the rice terraces, forests, national parks and so on and take part in many activities like hiking, cycling. **Another factor attracting foreign tourists to Vietnam** is Vietnamese are friendly and hospitable. Wherever they go, visitors can be welcomed by cozy smiles of local people and always be impressed by how helpful local people are. **Last but not least**, Vietnam is famous for delicious food. Some Vietnamese dishes like Pho, Bun Cha, Banh Mi have their names memorized in travel guidebooks. Besides, there are many other traditional dishes that tourists can taste, for instance, spring rolls.  **In a nutshell**, Vietnam is a must-see destination for foreign visitors.

*Việt Nam là một điểm đến nổi tiếng đối với người nước ngoài vì những lý do sau đây. Đầu tiên và quan trọng nhất, Việt Nam có nhiều điểm du lịch đáp ứng nhu cầu của các du khách khác nhau. Ví dụ, những người yêu thích một kỳ nghỉ trên bãi biển có thể tận hưởng những bãi biển đẹp ở miền Trung và miền Nam Việt Nam như Đà Nẵng, Hội An, Nha Trang, Mũi Né. Những người yêu thích núi có thể khám phá những khu vực miền núi hùng vĩ ở miền Bắc Việt Nam với ruộng bậc thang, rừng, công viên quốc gia, và tham gia vào nhiều hoạt động như đi bộ đường dài hay đi xe đạp. Một yếu tố khác thu hút khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam đó là người Việt Nam rất thân thiện và hiếu khách. Đi tới bất cứ nơi nào du khách cũng sẽ được chào đón bởi nụ cười ấm áp của người dân địa phương và họ luôn luôn ấn tượng bởi sự tốt bụng của người dân địa phương. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, Việt Nam nổi tiếng với những món ăn ngon. Việt Nam có một số món ăn như Phở, Bún Chả, Bánh Mì mà tên của chúng được ghi lại trong sách hướng dẫn du lịch. Bên cạnh đó, có nhiều món ăn truyền thống khác mà du khách có thể nếm thử ví dụ như chả giò. Tóm lại, Việt Nam là một điểm đến đáng khám phá cho du khách nước ngoài.*

Face-to-face communication

Face-to-face communication is very important nowadays.

- express your feeling

- build personal relationship

- reduce misunderstandings

- [Your own ideas]

**Một số cấu trúc, từ vựng hữu ích**

Face to face communication = face to face conversations = communicating face to face = meeting someone in person = talking to people directly = face to face chatting/ meetings

**Bài nói mẫu**

Nowadays thanks to the development of technology, there are different means of communication, namely telephones, emails, social networking websites and so on. However, I believe that face to face communication still plays a vital part in our lives. **First of all,** face to face conversations help to express our feelings. As we often show our feelings through facial expressions. It is easy for other people to know how you feel when talking face to face. Besides that, body language speaks a lot louder than words so you can gain a better understanding of how your partner is feeling than when you communicate through other forms of communication. **Secondly**, communicating with other people directly, we are able to build personal relationship. Having a meeting or going out for a drink, for example, give people the opportunity to make a relationship become stronger as talking to someone in person can help us easily make friend with him or her.  **Finally**, face to face chatting allows us to reduce misunderstandings. When talking to others, we can see their body language and facial expression so we can easily understand if they agree with our ideas or not. Therefore, if there are any problems, we can deal with them immediately. Thus, face to face meetings minimize the risk of miscommunication compared to email or over the phone.

In conclusion, communicating face to face has so many benefits that people are encouraged to do so.

*Ngày nay, nhờ có sự phát triển của công nghệ, có rất nhiều phương tiện giao tiếp khác nhau ví dụ như điện thoại, email, các trang mạng xã hội và vân vân. Tuy nhiên, tôi tin rằng giao tiếp mặt đối mặt vẫn đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của chúng ta. Trước hết, các cuộc trò chuyện trực tiếp giúp thể hiện cảm xúc, vì chúng ta thường thể hiện cảm xúc của mình thông qua nét mặt. Người khác có thể dễ dàng biết bạn cảm thấy thế nào khi nói chuyện mặt đối mặt. Bên cạnh đó, ngôn ngữ cơ thể có ‎ý nghĩa giao tiếp hơn nhiều so với lời nói, vì vậy bạn có thể hiểu rõ đối tác của bạn cảm thấy như thế nào so với khi bạn giao tiếp thông qua các hình thức giao tiếp khác. Thứ hai, bằng việc giao tiếp trực tiếp với người khác, chúng ta có thể xây dựng các mối quan hệ cá nhân. Ví dụ như việc có một cuộc họp hoặc đi chơi sẽ cho mọi người cơ hội để làm cho mối quan hệ trở nên khăng khít  hơn, bởi vì nói chuyện với một người nào đó trực tiếp có thể giúp chúng ta dễ dàng kết bạn với anh ấy hoặc cô ấy. Cuối cùng, trò chuyện trực tiếp cho phép chúng ta giảm thiểu sự hiểu lầm. Khi nói chuyện với người khác, chúng ta có thể nhìn thấy ngôn ngữ cơ thể và nét mặt của họ, vì vậy chúng ta có thể dễ dàng hiểu nếu họ đồng ý với ý tưởng của mình hay không. Do đó, nếu có bất kỳ vấn đề gì, chúng ta có thể xử lý chúng ngay lập tức. Vì vậy, các cuộc họp trực tiếp giảm thiểu nguy cơ thông tin bị sai lệch so với email hoặc qua điện thoại. Tóm lại, giao tiếp mặt đối mặt có rất nhiều lợi ích mà mọi người nên được khuyến khích thực hiện.*

Parents are the best teachers.

- be closer to the children

- teach them with love and responsibility

- understand the strength and weakness

- [Your own idea]

**Bài nói mẫu**

I totally agree that parents are the best teachers because of the following reasons.

**First of all**, parents are closer to the children. They are the first teachers who teach us to walk, speak and behave well. It is almost for sure that since the beginning of our lives, parents were so committed to teaching their children. **Secondly**, parents can understand their children’s strengths and weaknesses because they are close to them. Therefore, they know which is the most suitable for their kids. **Finally**, they teach their kids with love and responsibility. They feel responsible for protecting their children from dangers. They will always be there for their children no matter what happens. Besides, parents always love their children so much that they have great patience while passing down knowledge to their kids.

**In conclusion**, parents are the best teachers because of their closeness, love, responsibility and their deep understanding of their children.

*Tôi hoàn toàn đồng ý rằng cha mẹ là những giáo viên giỏi nhất vì những lý do sau.Trước hết, cha mẹ gần gũi hơn với trẻ em. Họ là những thầy cô giáo đầu tiên dạy chúng ta đi bộ, nói và cư xử tốt. Chắc chắn rằng kể từ khi bắt đầu cuộc sống, cha mẹ đã rất tâm huyết với việc dạy dỗ con cái của họ. Thứ hai, cha mẹ có thể hiểu điểm mạnh và điểm yếu của con họ vì họ gần gũi với chúng. Vì thế,họ biết cái nào là phù hợp nhất cho con cái của họ. Cuối cùng, họ dạy con cái mình bằng tình yêu và trách nhiệm. Họ cảm thấy có trách nhiệm với việc bảo vệ con mình khỏi những nguy hiểm. Họ sẽ luôn ở đó vì con cái của họ bất kể chuyện gì xảy ra. Bên cạnh đó, cha mẹ luôn luôn yêu con cái mình nhiều tới mức họ có thể rất kiên nhẫn trong khi truyền đạt kiến thức cho con cái của họ.Tóm lại, cha mẹ là những giáo viên giỏi nhất vì sự gần gũi, tình yêu, trách nhiệm và sự hiểu biết sâu sắc của họ về con cái họ.*

**Traditional music has many values.**

- cultural values

- historical values

- educational values

- [Your own idea]

**Bài nói mẫu**

Traditional music offers various values.

**In the first place**, it has cultural values. Music is believed to be a symbol for a nation’s culture. Different countries have different genres of music. Based on the rhythms, one can say where a song comes from. **Secondly**, traditional music brings historical values. It teaches us about the history of the country because many songs were composed to describe real situations in the past. Therefore, when we hear them, they can remind us what our forefather passed. For example, songs during revolutionary period encouraged people to live and fight against invaders during the war. **Finally**, it has educational values. I would say that they were the first songs we heard in our early lives and our first speaking and listening lessons. Traditional music especially lullabies that our mothers sing help us to develop speech and language. Repeating sounds, rhythm and melody in songs aid language development.

**To sum up**, traditional music still plays an important part in our lives so more effort should be made to preserve it.

*Âm nhạc truyền thống đem lại nhiều giá trị khác nhau.*

*Đầu tiên, âm nhạc có giá trị văn hóa. Âm nhạc được cho là một biểu tượng của văn hóa của một quốc gia. Các quốc gia khác nhau có các thể loại âm nhạc khác nhau. Dựa trên nhịp điệu, người ta có thể nói một bài hát đến từ đâu. Thứ hai, âm nhạc truyền thống mang lại giá trị lịch sử. Nó dạy chúng ta về lịch sử của đất nước vì nhiều bài hát được sáng tác để tả lại các tình huống thực tế trong quá khứ. Vì vậy, khi chúng ta nghe những bài hát này, chúng có thể nhắc nhở chúng ta về những gì tổ tiên của chúng ta đã qua. Ví dụ, các bài hát trong thời kỳ cách mạng đã khuyến khích mọi người sống và chiến đấu chống lại quân xâm lược trong chiến tranh. Cuối cùng, âm nhạc có giá trị giáo dục. Tôi sẽ nói rằng đó là những bài hát đầu tiên chúng tôi nghe khi còn nhỏ, trong những bài học nói và nghe đầu tiên của chúng tôi. Âm nhạc truyền thống, đặc biệt là những bài hát ru mà các bà các mẹ của chúng ta hát giúp chúng ta phát triển khả năng nói và ngôn ngữ. Việc lặp đi lặp lại âm thanh, nhịp điệu và giai điệu trong các bài hát sẽ hỗ trợ phát triển ngôn ngữ.*

*Tóm lại, âm nhạc truyền thống vẫn đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của chúng ta nên chúng ta cần phải nỗ lực nhiều hơn để bảo tồn nó.*

**There are many ways of helping others.**

- run a club/organization to support

- give money, food, clothes

- help them with daily tasks

- [Your own idea]

Bạn hãy suy nghĩ và trả lời câu hỏi trên của chúng tôi trong vòng 3 phút trước khi xem phần hướng dẫn.

Thời gian làm bài còn lại:2 phút, 56 giây

Thu Âm

Phân tích âm

Thu âm

Xem hướng dẫnTra từ điển

**Bài nói mẫu**

In my opinion, people can help others in various ways.

**In the first place**, people can run a club or organization to support, which is probably the best way to do charity because a large number of people are supported in this way. For example, famous people often organize live shows or performances to raise funds or many NGOs also help others in this way. **Secondly**, we are able to give people some basic things such as food, clothes or even money. A small thing you do can help them overcome difficulties.  To give a clear example, we often give these necessary things to poor people in remote areas or when people suffer from natural disasters such as floods in Central Vietnam or droughts in Southern Vietnam. **Finally**, we can help other people with daily tasks. Volunteers help feed children, read books to children, do housework and so on.

**To sum up**, there are many ways to assist other people. Provided that you are willing, you can easily choose one method to give happiness to others and in return you will feel happy, too.

*Theo tôi, mọi người có thể giúp đỡ người khác theo nhiều cách khác nhau.*

*Đầu tiên, mọi người có thể điều hành một câu lạc bộ hoặc tổ chức để hỗ trợ, đó có lẽ là cách tốt nhất để làm từ thiện vì rất nhiều người được hỗ trợ theo cách này. Ví dụ, những người nổi tiếng thường tổ chức các buổi biểu diễn trực tiếp để gây quỹ hoặc nhiều tổ chức phi chính phủ cũng giúp đỡ người khác theo cách này. Thứ hai, chúng ta có thể cung cấp cho mọi người một số thứ cơ bản như thực phẩm, quần áo hoặc thậm chí là tiền bạc. Một điều nhỏ bạn làm có thể giúp họ vượt qua khó khăn. Để đưa ra một ví dụ rõ ràng, chúng ta thường cung cấp những thứ cần thiết này cho những người nghèo ở vùng sâu vùng xa hoặc khi họ phải chịu thiên tai như lũ lụt ở miền Trung Việt Nam hoặc hạn hán ở miền Nam Việt Nam. Cuối cùng, chúng ta có thể giúp những người khác với công việc hàng ngày. Các tình nguyện viên thường giúp trẻ ăn, đọc sách cho trẻ em, làm việc nhà và vân vân.*

*Tóm lại, có nhiều cách để hỗ trợ người khác. Miễn là bạn sẵn sàng, bạn có thể dễ dàng chọn một phương pháp để mang lại hạnh phúc cho người khác và ngược lại bạn cũng sẽ cảm thấy hạnh phúc.*

**Childhood is the most important time of a person’s life.**

- developing physical health

- forming personalities

- learning things fast

- [Your own idea]

**Bài nói mẫu**

Childhood is the most significant time of a person’s life. **In the first place**, it is a significant period for children to form their personalities. In these early years of their lives, children are like sponges, which absorb a large amount of information from various sources which are both moral and immoral. From this data, they create habits which will have a great influence on their lives. Parents need to pay much attention to them and tell them what’s wrong and right.  **Moreover,** children can learn things fast during childhood. At this time, children tend to be very curious about things around them. As a result, they want to explore the world around them. By doing so, children can acquire a great deal of knowledge and skills.**Last but not least**, it is in childhood that children develop their physical health. It’s believed that a person’s height is twice as much as his height at the age of two. Besides that, children should be able to achieve their optimal physical growth if they are well brought up in their early years. **In conclusion**, childhood is the most decisive phase, which lays the basic foundation for forming adult life in later years.

*Thời thơ ấu là khoảng thời gian quan trọng nhất trong cuộc đời của mỗi người. Thứ nhất, đây là giai đoạn quan trọng khi trẻ em hình thành tính cách của chúng. Trong những năm đầu đời này, trẻ em giống như miếng bọt biển, tiếp nhận một lượng lớn thông tin vừa mang tính đạo đức và phi đạo đức từ nhiều nguồn khác nhau. Từ dữ liệu này, chúng hình thành những thói quen sẽ có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống sau này. Cha mẹ cần chú ý nhiều đến con cái họ và nói cho chúng biết điều gì là sai và đúng. Hơn nữa, trẻ em có thể học hỏi nhanh chóng trong thời thơ ấu. Tại thời điểm này, trẻ em có xu hướng rất tò mò về những thứ xung quanh chúng. Kết quả là, chúng muốn khám phá thế giới xung quanh. Bằng cách đó, trẻ em có thể có được rất nhiều kiến thức và kỹ năng. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, thời thơ ấu là lúc trẻ em phát triển sức khỏe thể chất của chúng. Người ta tin rằng chiều cao của một người gấp hai lần chiều cao của họ khi họ hai tuổi. Bên cạnh đó, trẻ em sẽ có thể đạt được sự tăng trưởng thể chất tối ưu nếu chúng được nuôi dưỡng tốt trong những năm đầu đời. Tóm lại, thời thơ ấu là giai đoạn mang tính quyết định nhất vì nó đặt nền tảng cơ bản để hình thành nên cuộc sống trưởng thành trong những năm sau đó.*

**Studying abroad has many benefits.**

-         Have  better education

-         Become more independent

-         Find a better job

-         [Your own idea]

**Bài nói mẫu**

I totally agree that there are numerous advantages of studying overseas. **First of all**, students can have better education. It is true that foreign countries often offer better courses because they employ excellent teachers who are experts in different fields. Moreover, universities are often equipped with modern facilities which support students’ learning.  **Secondly**, students can become more independent. I mean that they live on their own so they have to do everything by themselves like cleaning the house, cooking, controlling time and money and so on. Besides that, living far away from home also gives students many opportunities to improve their social skills.  **Finally**, with a degree from a well-known university in another country, people can find a better job with higher salary. Furthermore, they can learn a foreign language while studying abroad so it’s easy for them to look for employment in a foreign company when they return to their home country. **In conclusion**, overseas courses offer learners a variety of merits, namely better education, more independence and job prospects.

*Tôi hoàn toàn đồng ý rằng có rất nhiều lợi ich khi du học. Trước hết, sinh viên có thể hưởng nền giáo dục tốt hơn. Sự thực là là các quốc gia khác thường cung cấp các khóa học tốt hơn vì họ tuyển dụng các giáo viên xuất sắc và họ là chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau. Hơn nữa, các trường đại học thường được trang bị cơ sở vật chất hiện đại để hỗ trợ việc học tập của sinh viên. Thứ hai, sinh viên có thể trở nên độc lập hơn. Ý tôi là vì họ sống một mình nên họ phải tự mình làm mọi thứ như dọn dẹp nhà cửa, nấu ăn, kiểm soát thời gian, tiền bạc và vân vân. Bên cạnh đó, sống xa nhà cũng mang lại cho sinh viên nhiều cơ hội để nâng cao kỹ năng xã hội của họ. Cuối cùng, với bằng cấp từ một trường đại học nổi tiếng ở một quốc gia khác, họ có thể tìm được một công việc tốt hơn với mức lương cao hơn. Hơn nữa, họ có thể học ngoại ngữ trong khi du học ở nước ngoài, vì vậy họ sẽ dễ dàng tìm việc làm trong một công ty nước ngoài khi họ trở về quê nhà. Tóm lại, các khóa học ở nước ngoài đem lại cho người học rất nhiều giá trị, cụ thể là nền giáo dục tốt hơn, tính độc lập và những triển vọng công việc*